

TRUYỀN THỐNG VÀ ĐỔI MỚI TRONG VĂN HÓA VIỆT NAM

VŨ KHIÊU

Vinh quang và thất bại.

Nền văn hóa mới Việt Nam đang được xây dựng trên một mảnh đất đã từng chứng kiến sự ra đời và phát triển của một nền văn hóa lâu đời mang bản sắc Việt Nam.

Nền văn hóa này được hình thành và phát huy sức mạnh của nó trong quá trình đấu tranh anh dũng và gian khổ nhằm bảo vệ sự sống còn của dân tộc, sự đe dọa thường xuyên của thiên tai và địch họa đòi hỏi mọi người phải cùng nhau phát huy cao nhất sức mạnh vật chất và tinh thần.

Việc cải tạo đồng bằng sông Hồng, nơi đầm lầy thường xuyên bị hạn hán và úng lụt, thành một vùng trù phú và văn minh là một sự nghiệp đầy sáng tạo. Cuộc đấu tranh tự vệ của cả dân tộc kéo dài suốt mấy ngàn năm phát huy trí tuệ Việt Nam trong chiến lược, chiến thuật thể hiện qua các tác phẩm văn học và quân sự cách đây 10 thế kỷ.

Nhu cầu gắn bó với nhau vì lợi ích chung đã sớm tạo ra trong lịch sử truyền thống đoàn kết và nhân đạo, thể hiện trong mọi sinh hoạt của gia đình và xã hội.

Những đặc trưng cơ bản đó của nền văn hóa cổ truyền Việt Nam không phải đã được hình thành trong sự khép kín của môi trường dân tộc.

Phát triển giữa hai nền văn hóa của phương Đông: Ấn Độ và Trung Quốc, nền văn hóa Việt Nam đã biết tiếp thu có chọn lọc những thành tựu của cả hai nền văn hóa đó.

Sức sống của văn hóa Việt Nam thể hiện ở chỗ nó luôn luôn dân tộc hóa những nhân tố tiếp nhận từ bên ngoài và không bao giờ tự hoà tan trong bất cứ một nền văn hóa nào khác.

Khi Khổng giáo được du nhập vào Việt Nam, thì nó đã được đổi dạng để phù hợp với nhu cầu chính trị và xã hội của bán địa.

Trong Khổng giáo Trung Quốc, chữ “Nhân” là phạm trù trung tâm chi phối mọi quan hệ xã hội. Du nhập vào Nhật Bản, Khổng giáo lại lấy chữ “Trung” làm yêu cầu cao nhất về mặt đạo đức. Ở đây, mọi người phải trung thành tuyệt đối với Thiên hoàng và đối với cấp trên, theo những quy định hết sức nghiêm ngặt của chế độ gia trưởng.

Ở Việt Nam, chữ “Nhân” vẫn là phạm trù trung tâm nhưng nội dung của nó đã đổi khác. “Nhân” ở Việt Nam trước hết lòng thương người, là sự gắn bó với nhân dân. Chính vì thế mà trong bản Tuyên ngôn chiến thắng quân Minh cách đây hơn 500 năm (Bình Ngô đại cáo), Nguyễn Trãi đã tuyên bố “Nhân trước hết là sự đấu tranh để bảo vệ đời sống an vui và hạnh phúc của nhân dân”⁽¹⁾.

Chữ “Trung” ở Việt Nam cũng khác. rất nhiều với chữ “Trung” ở Nhật Bản và cả chữ “Trung” ở Trung Quốc. Đồng chí Hồ Chí Minh nhấn mạnh *Trung* là trung thành tuyệt đối với Tổ quốc. Dân tộc Việt Nam trong truyền thống lâu đời của mình cũng không hề coi Trung là sự hy sinh và phục tùng mù quáng đối với nhà vua. Ở Việt Nam, khi một người anh hùng đứng lên cứu nước thì toàn thể nhân dân chiến đấu dưới lá cờ của người ấy và sau chiến thắng ắt dựng người ấy lên làm vua. Còn đối với những ông vua ích kỷ tàn bạo thì nhân dân nhất định nổi dậy lật đổ ông ta và dựng lên ông vua khác.

Khi Phật giáo được truyền vào Việt Nam thì nó cũng đã có những thay đổi nhất định để dần dần gia nhập vào nền văn hóa Việt Nam, trở thành một nhân tố của nền văn hóa ấy. Sống dưới

¹ Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân
Quân điều phạt trước lo trừ bạo

ách áp bức bóc lột tàn bạo của nước ngoài nhân dân Việt Nam hướng về chủ nghĩa nhân đạo, về tình yêu thương giữa người với người nên sớm có thiện cảm đã với một thứ tôn giáo vốn thông cảm với nỗi đau khổ của nhân dân.

Mặt tiêu cực của Phật giáo là ở chỗ nó thủ tiêu đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc nhưng khi vào Việt Nam, Phật giáo đã kết hợp nội dung nhân đạo của nó với tinh thần chiến đấu của toàn dân Việt Nam. Chính vì thế mà cách đây hơn 10 thế kỷ sau khi giành lại độc lập, nhiều người cầm đầu Phật giáo đã tích cực tham gia các việc chính trị, ngoại giao của nhà nước và những người theo đạo Phật vẫn tiếp nối truyền thống yêu nước, truyền thống nhân đạo và truyền thống anh hùng của dân tộc.

Từ ngàn năm lịch sử, văn hóa Việt Nam với những đặc điểm nói trên đã góp phần làm ổn định trật tự chính trị và kinh tế, củng cố những quan hệ tình nghĩa trong gia đình và ngoài xã hội, tạo nên những “thuần phong mỹ tục” trong sinh hoạt hàng ngày.

Từ ngàn năm lịch sử văn hóa Việt Nam đã tác động như một sức mạnh tinh thần to lớn vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nhưng vì sao, đến thế kỷ 19 nền văn hóa ấy bỗng nhiên tỏ ra hoàn toàn bất lực khi nền văn minh công nghiệp phương Tây tràn sang phương Đông và chủ nghĩa đế quốc bắt đầu đi xâm chiếm các nước nông nghiệp lạc hậu?

Trong khi Nhật Bản chuyển mạnh vào cuộc đổi mới và tiếp thu mạnh mẽ những nhân tố tiến bộ của phương Tây thì Việt Nam vẫn tự mãn với nền văn hóa truyền thống của mình và từ chối mọi thành tựu văn hóa của thế giới.

Vua Tự Đức của Việt Nam đã đi ngược chiều với người cùng thời của ông ta là vua Minh Trị của Nhật Bản. Trong 36 năm chịu trách nhiệm về vận mệnh của đất nước, ông vua bảo thủ Việt Nam đã dần dần đặt toàn bộ Tổ quốc vào bàn tay của đế quốc Pháp.

Sự thống trị tàn bạo của chủ nghĩa thực dân đã trùm lên xã hội Việt Nam từ kinh tế, chính trị đến văn hoá nhưng nhân dân Việt Nam vẫn chiến đấu anh dũng và kiên cường. Các cuộc nổi dậy vẫn lần lượt bị dìm trong biển máu. Truyền thống yêu nước và tinh thần bất khuất vẫn dâng cao như ngọn lửa bất diệt, nhưng trí tuệ Việt Nam vẫn chưa mở ra được một con đường dẫn đến thành công. Thất bại lịch sử đã đem lại cho Việt Nam một bài học đau thương nhưng vô cùng sâu sắc. Nền văn hóa cổ truyền đã trở nên kiệt sức chính vì thời đại đã đổi thay mà nó vẫn không biết tiếp nhận cho mình những nguồn sinh lực mới.

Hồi sinh và thử thách

Cách mạng Tháng Mười đã tạo ra bước ngoặt căn bản trong lịch sử nhân loại. Như ánh sáng mặt trời nó đã rọi soi vào đêm tối của các nước phương Đông Chủ nghĩa Mác - Lênin được đồng chí Hồ Chí Minh đưa vào Việt Nam đã thức tỉnh cả một dân tộc trước con đường rộng lớn của độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội.

Nền văn hóa truyền thống của Việt Nam tiếp thu được tinh hoa văn hóa nhân loại là chủ nghĩa Mác - Lênin đã nhanh chóng hồi sinh và trở thành một nền văn hóa đầy tiềm năng trước sự nghiệp của đất nước.

Đảng Cộng sản Việt Nam kết tinh trí tuệ của thời đại, đã vạch ra cương lĩnh của cách mạng Việt Nam, thống nhất được tư tưởng của toàn Đảng toàn dân và đưa đất nước đến thắng lợi cuối cùng của sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Sau ngày miền Nam được giải phóng, toàn thể đất nước đi vào chặng đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đảng và nhân dân Việt Nam lại đứng trước những nhiệm vụ lịch sử cực kỳ to lớn. Nhiều thành tích đáng kể đã đạt được nhưng sự yếu kém về kinh tế, sự trì trệ về xã hội vẫn chưa được khắc phục.

Người ta tự hỏi vì sao chủ nghĩa Mác - Lênin đã đưa dân tộc Việt Nam đến những thắng lợi

cực kỳ to lớn trong chiến tranh giải phóng nhưng lại chưa chứng tỏ được sức mạnh của nó trong xây dựng hòa bình?

Cách đây hơn 30 năm đồng chí Hồ Chí Minh đã nêu lên những khó khăn của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và luôn nhắc nhở nhân dân như một lời cảnh cáo: “Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết phải có con người xã hội chủ nghĩa.” Ở đây chưa phải là con người hoàn chỉnh, sản phẩm cuối cùng của chủ nghĩa xã hội, mà chính là con người bắt đầu đi vào xây dựng chủ nghĩa xã hội với một trình độ văn hóa nhất định nghĩa là phải được chuẩn bị đầy đủ về các mặt tri tuệ tài năng và nghị lực.

Sau những chiến thắng vang dội của mình, nhân dân Việt Nam hình như đã quên những lời dự báo trên đây của đồng chí Hồ Chí Minh. Họ không ngờ rằng sự nghiệp giải phóng đất nước đã cực kỳ khó khăn mà sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội còn khó khăn hơn nữa. Chủ nghĩa anh hùng trong chiến đấu đã không dễ dàng chuyển thành chủ nghĩa anh hùng trong xây dựng. Tinh thần nhạy bén và sáng tạo trước sự tấn công điên cuồng của quân xâm lược trước đây đã được thay thế bằng thái độ chủ quan hoặc nóng vội, hoặc bảo thủ trước những vấn đề kinh tế xã hội bức thiết hôm nay.

Chủ nghĩa quốc tế vô sản đã từ lâu thắt chặt mối quan hệ anh em giữa Việt Nam với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.

Nhân dân Việt Nam đã chân thành theo dõi sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở các nước anh em và vận dụng những thành tựu của các nước ấy về cả lý luận và thực tiễn.

Tiếp thu những kinh nghiệm của các nước anh em, nhân dân Việt Nam đã được nhiều thành tựu trong lĩnh vực văn hóa. Nạn mù chữ nhanh chóng được thanh toán. Một mạng lưới từ phổ thông đến đại học được xây dựng ở khắp nơi. Đội ngũ trí thức đã ngày một đông đảo. Văn hóa nghệ thuật được phát triển, đáp ứng với nhu cầu ngày một cao của toàn thể nhân dân, công tác y tế và thể dục thể thao đã hoạt động mạnh từ trung ương đến cơ sở. Một nếp sống văn minh và lành mạnh hình thành trong sinh hoạt của gia đình và xã hội.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đã đạt được, còn khá nhiều sai sót về thận thức đã dẫn đến sự trì trệ trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội chính trị văn hóa. Về *mặt lý luận*, Việt Nam đã tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin từ các sách giáo khoa của Liên Xô, nhưng ở đây, nhiều quan điểm cơ bản của Mác, Ăngghen và Lênin đã bị bỏ qua. Xtalin đã đưa vào đó khá nhiều điều sai lạc.

Về *thực tiễn*, nhiều kinh nghiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và ở một số nước anh em đã được sử dụng một cách thiếu cân nhắc, không xuất phát từ thực tiễn cụ thể của Việt Nam.

Chủ nghĩa giáo điều và chủ nghĩa kinh nghiệm, hai đứa con sinh đôi của trạng thái thiếu lý luận đã kết hợp với nhau để tạo ra một loạt sai lầm về nhận thức và hoạt động.

Trong *công nghiệp hóa*, nhiều công trình với quy mô to lớn đã làm tiêu hao quá nhiều tài nguyên và tiền vốn mà hiệu quả thu được lại quá nhỏ bé.

Việc hợp tác hóa được triển khai nhanh chóng và rộng khắp đã không tăng được năng suất lao động không đẩy mạnh được sản xuất không cải thiện được đời sống nhân dân.

Bộ máy hành chính công kênh cơ chế quản lý thiếu dân chủ cùng với chủ nghĩa bình quân trong phân phối đã hạn chế tinh thần chủ động và sáng tạo của nhân dân.

Công tác tư tưởng văn hóa đã không đẩy nhanh được những tiến bộ lịch sử mà còn làm sống lại nhiều truyền thống đã lỗi thời của dân tộc.

Từ bao đời nay chế độ công hữu về ruộng đất cùng với bộ máy quan liêu bao cấp từng tồn tại lâu đời, đã tạo ra một thói quen là mọi thứ được cung cấp từ bên dưới và sử dụng tùy tiện ở bên trên. Cơ chế ấy vốn là nguyên nhân chủ yếu của sự trì trệ kéo dài bao nhiêu thế kỷ trên đất nước này.

Nó còn để lại những hậu quả nặng nề trong ý nghĩ và hoạt động của con người hôm nay. Công tác tư tưởng và văn hóa chưa phân tích sâu sắc và phê phán triệt để những biểu hiện ấy.

Đồng chí Hồ Chi Minh, lúc sinh thời đã luôn luôn lên án chủ nghĩa quan liêu và đề phòng sự nảy sinh của những “ông quan cách mạng”. Ngày nay chủ nghĩa quan liêu thời xưa đã như sống lại và ngay trong hàng ngũ cán bộ đã xuất hiện ngày một nhiều những “ông cách mạng làm quan”.

Với tinh thần bảo thủ, chúng ta đã từng đề cao một chiều truyền thống công xã, chế độ gia trưởng và lên án mọi sự kiện tất yếu của tiến bộ lịch sử như chế độ tư hữu, sự phân hóa giai cấp, chủ nghĩa tư bản thương nghiệp, vai trò của tiền tệ, sự phát triển của kinh tế hàng hóa v.v...

Đòi với văn hóa tư sản, công tác tư tưởng ở Việt Nam đã không phân tích được sâu sắc mặt tiêu cực của nó, lại gạt bỏ mọi nhân tố tiến bộ mà chủ nghĩa tư bản đã từng đóng góp vào lịch sử tiến hóa của nhân loại. Việc coi thường dân chủ tư sản và pháp luật tư sản đã vô tình nuôi dưỡng thái độ chuyên quyền độc đoán, vi phạm tự do cá nhân ở các cấp chính quyền.

Với cái nhìn thành kiến và phiến diện đối với thế giới tư bản chúng ta coi như ở đây toàn bộ xã hội đều thối nát và không còn cái gì đáng để tiếp thu và học tập nữa. Một lần nữa, chúng ta lại tự mình đóng cửa lại trước những chuyển biến của thế giới và bằng lòng với những nhận định chủ quan về xu hướng của thời đại và triển vọng của đất nước.

Bài học lịch sử cách đây một trăm năm lại tái diễn một lần nữa, truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc không tiếp thu được những nhân tố mới, đã trở nên bất lực trước những thử thách mới của thời đại và đất nước.

Tư duy và đổi mới.

Đại hội lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam đang mở ra một thời kỳ mới trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, vấn đề đổi mới tư duy được đặt ra như một nhu cầu cấp bách.

Đòi mới tư duy là điều kiện sống còn của cả đất nước và cũng chính vì thế, nó là nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng tư tưởng và văn hóa.

Mọi hoạt động của văn hóa, khoa học, giáo dục, nghệ thuật, đều phải hướng vào việc đổi mới nhận thức, đổi mới phương pháp tư duy xây dựng ý thức xã hội chủ nghĩa.

Nói tóm lại, toàn bộ nền văn hóa của chúng ta cần được đổi mới. Chỉ có tích cực xóa bỏ mọi nhận thức sai lầm và xây dựng những phương hướng và biện pháp đúng đắn thì mới làm chuyển biến được tình hình và đưa đất nước tiến lên.

Đổi mới tư duy không có nghĩa là phủ nhận những thành tựu văn hóa đã đạt được từ mấy chục năm qua. Trong sự nghiệp giải phóng đất nước, đổi mới tư duy để thổi bùng lên hơn nữa ngọn lửa của chủ nghĩa anh hùng cách mạng, trong sự nghiệp xây dựng đất nước hôm nay. Cùng với việc từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần, đổi mới tư duy sẽ tạo ra khắp nơi một không khí tin tưởng, một tinh thần phấn khởi trong lao động và sáng tạo một không khí đạo đức trong xã hội. Trước hết, tinh thần cơ bản của Đảng được nêu lên từ Đại hội VI phải được quán triệt trong toàn Đảng, toàn dân tinh thần mới phải trở thành tư tưởng chỉ đạo cho mọi suy nghĩ và hành động, phải là cơ sở đầu tiên để đánh giá phẩm chất và tài năng.

Trên phạm vi thế giới, không thể vì sự lớn mạnh của giao tiếp kinh tế và văn hóa mà quên rằng cuộc đấu tranh tư tưởng đang tiếp tục diễn ra gay gắt. Chủ nghĩa đế quốc đang sử dụng mọi phương tiện và mọi biện pháp để khoét sâu những sai lầm và nhược điểm của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa để từ đó tấn công vào chủ nghĩa Mác - Lênin và lý tưởng cộng sản chủ nghĩa.

Trên đất nước ta, hoạt động tâm lý chiến của kẻ địch với những phương tiện thông tin đại chúng và văn hóa đòi hỏi chúng ta đang tiếp tục tuyên truyền cho cuộc sống sa đọa, khuyến khích

những hình thức mê tin dị đoan, tung ra những tin đồn nhảm. Công tác tư tưởng và văn hóa của chúng ta phải phản công mạnh mẽ vào những hoạt động phản động ấy.

Để hoàn thành những nhiệm vụ trên đây, phải không ngừng đổi mới và hoàn thiện các phương pháp, biện pháp và phương tiện của công tác tư tưởng. Các khoa học xã hội phải giúp Đảng điều tra và phân tích tình hình mọi mặt của các tầng lớp nhân dân để trên cơ sở đó có được những biện pháp thích hợp trong công tác tư tưởng. Với sự phát triển các khoa học, kỹ thuật, công tác tư tưởng cần sử dụng hợp lý và có hiệu quả những phương tiện hiện đại của thông tin đại chúng.

Các ngành báo chí, truyền thanh, truyền hình phải góp phần đẩy mạnh sự nghiệp dân chủ hóa trong toàn dân, trở thành diễn đàn rộng lớn để nhân dân hiểu biết thời sự, trao đổi tư tưởng, và phát biểu nguyện vọng. Các phương tiện thông tin phải kịp thời nói thẳng nói thật tình hình mọi mặt của đời sống xã hội, khuyến khích các tầng lớp nhân dân tham gia bàn bạc mọi công việc của đất nước, đạt tới sự thông nhất cao về tinh thần và chính trị trong toàn Đảng, toàn dân.

Khoa học trong sự phát triển vũ bão của nó ở thời đại chúng ta đánh dấu sự phát triển rực rỡ nhất của tư duy nhân loại. Khoa học đang làm biến đổi bộ mặt của hành tinh chúng ta. Thế kỷ thứ 21 đang xích lại gần. Bóng đen của thấp hèn và tội lỗi sẽ biến dần đi trước ánh sáng rực rỡ của ngày mai. Nhân loại dựa trên khoa học làm lại cuộc sống của mình trên cơ sở của tự do và sáng tạo, của hạnh phúc và tình thương.

Trên đất nước ta, khoa học với những thành tựu của nó đang là điều kiện đầu tiên của đổi mới tư duy. Nó đang trở thành động lực to lớn trong việc phát triển sản xuất đầy nhanh quá trình xây dựng kinh tế, xã hội và văn hóa của đất nước, hoàn thiện mối quan hệ giữa người và người, phát huy trí tuệ và tài năng của cả xã hội và của mỗi cá nhân.

Thời đại chúng ta đang tạo ra sự đổi mới trên mọi miền lãnh thổ và từ mọi hoạt động xã hội. Mọi hiện tượng diễn ra trong mối quan hệ với toàn thể nhân loại. Chính vì lẽ đó mà tư duy của thời đại chúng ta phải tiếp cận với mọi sự vật với một cái nhìn khoa học mang tính tổng thể. Cũng chính vì lẽ đó mà các khoa học ở thời đại chúng ta phải đan xen vào nhau và tiếp cận đối tượng với một phương pháp liên ngành và tổng thể.

Trên đất nước ta các khoa học tự nhiên đang tập trung tìm hiểu tài nguyên thiên nhiên của đất nước, kết hợp nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng, đưa tiến bộ khoa học và kỹ thuật phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế và xã hội. Nhưng khoa học tự nhiên sẽ không thể đạt được hiệu quả mong muốn nếu như không quan tâm tới một trường xã hội, thực trạng sinh hoạt và tâm lý của con người.

Các khoa học xã hội không thể nâng cao trình độ lý luận, làm sáng tỏ các vấn đề đang được đặt ra trong thời kỳ quá độ nếu bản thân chúng không gắn bó với khoa học tự nhiên, nếu không từ những thành tựu mới của khoa học tự nhiên mà nâng trình độ của mình ngang tầm với thời đại.

Vì những lẽ trên mà sự kết hợp giữa khoa học xã hội, khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật là quy luật phát triển của mỗi ngành khoa học trong thời đại chúng ta.

Đó là cơ sở để giải quyết mọi vấn đề phức tạp của thời đại, là phương châm phát triển giáo dục trong xã hội ta ngày nay. Để đào tạo những con người mới, những con người vươn tới đỉnh cao của kiến thức làm chủ đời sống xã hội và xây dựng cuộc sống xứng đáng của mình, nền giáo dục quốc dân phải được triệt để đổi mới, phải hiện đại hóa về mọi mặt: phương hướng, nội dung và biện pháp.

Cuối cùng công tác khoa học và giáo dục phải nhanh chóng xây dựng được đội ngũ trí thức, hoàn chỉnh, phát hiện và bồi dưỡng được nhiều nhân tài thể hiện sự thống nhất giữa tinh hoa của truyền thống dân tộc và thành tựu cao nhất của kiến thức nhân loại.

Hiện đại và truyền thống.

Đổi mới tư duy từ yêu cầu mới của đất nước và thành tựu mới của nhân loại không có nghĩa là coi nhẹ truyền thống dân tộc, xóa bỏ mọi di sản văn hóa của quá khứ. Ngược lại, chỉ trên cơ sở hiện đại của đất nước và của tư duy, mới có thể xử lý một cách đúng đắn đối với truyền thống. Chỉ trên cơ sở đó mới khắc phục được cả hai chiều hướng lệch lạc trong quan hệ với truyền thống. Đó là *chủ nghĩa hư vô* và *chủ nghĩa bảo thủ*.

Những tư tưởng ấu trĩ và tả khuynh đã từng muốn xóa sạch đi những di sản của quá khứ và lầm tưởng rằng có thể xây dựng chủ nghĩa xã hội trên một miếng đất rỗng không, trong Cách mạng tháng Tám, cùng với sự lật đổ chính quyền của đế quốc và phong kiến, nhân dân Việt Nam đã cùng đấu tranh xóa bỏ mọi thứ gọi là hủ tục trong đời sống gia đình và xã hội.

Cách mạng đã giải phóng người phụ nữ khỏi mọi sự nô dịch. Bình đẳng với nam bởi người phụ nữ xác định quyền lợi và trách nhiệm của mình. Họ bộc lộ tài năng và đem lại cống hiến trên mọi lãnh vực của hoạt động xã hội. Sự phân tầng xã hội đầy rẫy bất công đã được xóa bỏ. Nhân dân lao động từ địa vị thấp kém đã tiến lên hàng đầu trước nhiệm vụ chung của đất nước.

Bên cạnh những thành tựu nói trên đã xây sinh tư tưởng hư vô chủ nghĩa. Có lúc người ta đã nghĩ rằng di sản của quá khứ đã chẳng còn gì đáng phải trân trọng và gìn giữ. Nhiều công trình kiến trúc nhiều di tích lịch sử đã bị phá hủy hoặc làm hư hỏng. Cho đến nay vẫn còn nhiều nơi nhân danh phát triển sản xuất tiếp tục phá hủy đền miếu, đào mả người xưa. Nhiều sách cũ để lại trong dân gian đã bị đem làm bìa, làm quạt. Nhiều bia đá đã bị phá để nung vôi hoặc bỏ xuống ao làm cầu.

Nhiều nghi thức trong đám ma, đám cưới, trong ngày lễ ngày hội đều nhất loạt bị coi là lạc hậu. Trong cách tổ chức đám cưới, đám ma được gọi là đổi mới, người ta tự hỏi bốn ngàn năm văn hiến không còn để lại ở đây một chút nghi thức nào đáng giữ lại nữa sao? Chẳng lẽ khăn trắng là hủ bại bên băng đen? Chẳng lẽ những vòng hoa tốn hàng trăm ngàn đồng lại văn minh hơn những câu đối và kèn trống? Chẳng lẽ những nghi thức, cách ứng xử, quan hệ giao tiếp trong những ngày lễ, ngày hội, ngày giỗ đã không chứa đựng những nhân tố hợp lý nào trong những quan hệ nhân đạo và bền vững giữa người và người.

Trong sinh hoạt gia đình và giao tiếp xã hội chẳng lẽ phép lịch sự giữa người và người, sự lễ phép của trẻ em đối với người lớn, sự nghiêm túc trong ăn mặc và nói năng khi tiếp khách đều trở thành lỗi thời? Chẳng lẽ những hiện tượng trẻ em hỗn láo với người lớn, con gái nói tục, con trai mặc quần đùi cời trần đi ngoài đường không phải là điều báo động đáng lo ngại đối với nền văn hóa truyền thống của dân tộc ta sao?

Trong tình hình trên đây giới khoa học và văn hóa chưa phân tích sâu sắc về giá trị của những di sản tinh thần và vật chất, chưa nghiên cứu nghiêm túc về nguồn gốc và thực chất của những thuần phong mỹ tục mà cha ông đã từ lâu đời gìn giữ. Chính vì lẽ trên mà suốt mấy chục năm qua, cái cũ đã được xóa bỏ những cái mới lại chưa được định hình, phong tục cũ đã bị lên án, nhưng phong tục mới chưa được xây dựng. Cho đến nay, vẫn chưa kết thúc những lời kêu ca về việc bảo tồn di tích lịch sử, về nếp sống văn minh, về cả cách nói năng cử chỉ, về những quy tắc ứng xử trong mọi quan hệ hàng ngày.

Ngược lại, với những tư tưởng tả khuynh nói trên, *chủ nghĩa bảo thủ* lại đánh giá quá cao về truyền thống. Truyền thống được coi là nguyên nhân quyết định chứ không phải là nhân tố của phát triển.

Khi chủ nghĩa Mác - Lênin, được du nhập vào Việt Nam thì có hai loại người khác nhau đã cùng dựa vào truyền thống để bác bỏ nó hoặc tiếp nhận nó.

Khi bác bỏ chủ nghĩa Mác - Lênin, người ta nói rằng nó là sản phẩm của phương Tây không thể thích hợp với xã hội phương Đông là truyền thống Việt Nam.

Khi tiếp nhận chủ nghĩa Mác, người ta lại nói nó phù hợp với truyền thống công bằng, anh dũng và sáng tạo của người Việt Nam.

Cả hai quan điểm đối lập trên đây đều cùng xuất phát từ một sai lầm là đã quá đề cao truyền thống. Đó là *chủ nghĩa truyền thống*.

Trong thời kỳ chống Pháp và chống Mỹ, truyền thống yêu nước đã phát huy tác dụng sâu sắc của nó, người Việt Nam lúc đó đã từng tự hào với truyền thống ấy và nói rằng “bốn ngàn năm lịch sử đang cùng ta thắng Mỹ”. Câu này mới chỉ đúng có một nửa. Có những truyền thống tích cực và những truyền thống tiêu cực. Chúng ta không cần nhắc lại ở đây rằng cả Mác, Ăngghen và Lênin đã không biết bao nhiêu lần lên án những mặt tiêu cực của truyền thống. Đó là những truyền thống của những người đã chết vẫn còn tiếp tục đè nặng trên vai những người đang sống. Ngày nay bốn ngàn năm lịch sử không chỉ để lại những điều tích cực. Chúng ta phải nói thêm rằng “bốn ngàn năm lịch sử đặt rất nhiều chướng ngại trên con đường xã hội chủ nghĩa của chúng ta hôm nay”.

Gần đây người ta đang nói nhiều về bốn nước phát triển nhanh chóng ở phương Đông trong mấy thập kỷ vừa qua như: Đài Loan, Nam Triều Tiên, Hồng Kông, Xanhhago. Nhiều nhà lý luận phương Tây và phương Đông cho rằng cái thúc đẩy sự phát triển nhanh chóng của các nước này chính là truyền thống dân tộc của họ, đặc biệt là truyền thống Khổng giáo. Tôi nghĩ rằng đó là những nhận định quá vội vàng. Giải thích như thế nào về sự trì trệ kéo dài hàng ngàn năm lịch sử của các nước này? Truyền thống của họ là tích cực hay tiêu cực trong chiều dài lịch sử của nước họ.

Nhân tố quyết định sự phát triển trước hết là nhân tố hiện đại chứ không phải tà nhân tố truyền thống. Chính hoàn cảnh kinh tế của xã hội đặt trong hoàn cảnh giao lưu quốc tế gắn với những thành tựu của khoa học - kỹ thuật kết hợp với năng lực quản lý của giai cấp thống trị là cơ sở vật chất của sự phát triển. Truyền thống chỉ có tác dụng khi nó được đặt trên cơ sở vật chất này và đáp ứng với đòi hỏi khách quan của sự phát triển.

Chúng ta không thể từ sự phát triển nhanh chóng của các nước nói trên mà có ảo tưởng quá lớn về truyền thống. Chúng ta không thể về cách khai thác truyền thống.

Nếu như họ khai thác truyền thống gia trưởng với trật tự xã hội cũ, khai thác đầu óc phục tùng của cấp dưới đối với cấp trên khai thác sự trung thành của công nhân đối với xí nghiệp thì đó là vì lập trường của giai cấp tư sản, vì lợi ích của chế độ tư bản, vì sự nô dịch tư tưởng đối với công nhân.

Chúng ta khai thác truyền thống dân tộc ngược lại hẳn với họ. Trên lập trường của giai cấp công nhân, vì lợi ích của nhân dân lao động chúng ta không duy trì truyền thống gia trưởng mà xóa bỏ nó. Chúng ta không khai thác sự phục tùng mù quáng của giai cấp công nhân mà khai thác sức mạnh vô tận của tinh thần dân chủ mà họ vốn có và đang đòi hỏi. Mở rộng dân chủ, khai thác sức mạnh của dân chủ hóa, đó là chiều hướng đúng đắn không thể đi ngược được của Đảng ta ngày nay.

Với tinh thần đổi mới tư duy chúng ta đặt mọi vấn đề của truyền thống trên cơ sở khoa học. Thực tiễn cách mạng Việt Nam phải là tiêu chuẩn đầu tiên để đánh giá lại toàn bộ truyền thống văn hóa của dân tộc, lịch sử chứng minh rằng dân tộc là một dân tộc luôn luôn biết phát huy những truyền thống lâu đời của mình. Nhưng có một truyền thống mà những bài học sâu sắc của lịch sử đã tạo ra và biến nó thành sức mạnh của dân tộc ta. Đó là truyền thống luôn luôn nhạy bén với thời cuộc để từ đó luôn luôn đổi mới chính những truyền thống của mình.

Tuy nhiên, không thể phát uy và đổi mới truyền thống trong phạm vi khép kín của dân tộc. Nền văn hóa Việt Nam được xây dựng trong thời đại mà sự giao lưu văn hóa đang diễn ra rộng khắp trên toàn thế giới. đang xâm nhập vào cả những miền hẻo lánh nhất của hành tinh với

truyền thống độc lập và sáng tạo, văn hóa Việt Nam phải vừa biết tránh thái độ bảo thủ vừa phải biết tự làm phong phú mình bằng những thành tựu của nhân loại!

Chủ nghĩa sô - vanh sẽ khiến cho một nền văn hóa dân tộc dù tốt tươi đến đâu cũng sẽ nhanh chóng héo tàn đi như một bông hoa trong căn phòng đóng kín.

Chủ nghĩa sùng ngoại sẽ thủ tiêu nền văn hóa dân tộc bằng cách tiếp thu không cân nhắc những gì gọi là mới đang diễn ra trên thế giới.

Hai quan điểm lệch lạc trên đây thường bộc lộ trong tầng lớp thanh niên khi họ đi lao động hoặc học tập ở nước ngoài.

Xúc tiếp đầu tiên với một nền văn hóa nước ngoài nhiều người đã không thích ứng được với cách thức sinh hoạt còn như xa lạ với họ, họ khư khư giữ lấy cách sống cũ của mình nên dễ va chạm trong giao tiếp. Họ không tôn trọng những quy tắc xã giao, những điều mà cả nhân loại đã thừa nhận trong ăn mặc cử chỉ đi đứng, chào hỏi, viếng thăm v.v....

Họ sống như người kém lịch sự, thiếu văn minh. Họ không tiếp nhận được những thành tựu mới của nhân loại trong văn học, nghệ thuật, hội họa và các sinh hoạt văn hóa khác.

(xem tiếp trang 46)